TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI** Bản án số: 21/2024/DS-ST Ngày: 23 - 7- 2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh
2. Bà Trương Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H - sinh năm 1973

Địa chỉ: TDP C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu T - sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Như H1 - sinh năm 2001 (bà Huỳnh bà T1 đều có mặt)

Cùng địa chỉ: Số B đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2024

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2

Địa chỉ: TDP C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện cư trú tại: Tổ dân phố A, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/11/2011 bà Nguyễn Thị Bích H có cho bà Nguyễn Thị T2 vay số tiền 5.000.000đồng để lo việc gia đình, bà T2 hẹn 10 ngày sau sẽ trả cho bà H nhưng hết thời hạn bà T2 vẫn chưa trả. Bà Nguyễn Thị Bích H nhiều lần trực tiếp yêu cầu trả nợ nhưng bà T2 né tránh không chịu trả. Ngày 03/7/2023 bà H đã gửi thông báo cho bà T2 trả nợ.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì bà Nguyễn Thị T2 có trả cho bà H số tiền 2.500.000đồng, hiện bà T2 còn nợ bà H số tiền 2.500.000đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T2 trả cho bà H số tiền vay gốc 2.500.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 117.000 đồng (Theo mức lãi suất 8%/ năm), rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 2.500.000 đồng mà bà T2 đã trả.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T2 đã nhận được các thông báo Tòa án hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị T2 không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn bà Nguyễn Thị T2 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền vay gốc 2.500.000đồng và tiền lãi 117.000đồng. Đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.500.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 31/10/ 2023 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 ở Tổ dân phố C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T2

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ chỗ quen biết nên ngày 12/11/2011 bà Nguyễn Thị Bích H có cho bà Nguyễn Thị T2 vay với số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 10 ngày, vay không có lãi. Trong quá trình Tòa án giải quyết thì bà T2 đã trả được 2.500.000đồng tiền gốc. Hiện còn nợ bà H số tiền gốc 2.500.000đồng. Theo giấy vay tiền thì không ghi lãi suất và bị đơn cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ để khẳng định rằng giữa bà Nguyễn Thị Bích H và bà Nguyễn Thị T2 có xác lập hợp đồng vay tài sản là có thật. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị T2 không trả nợ cho bà H khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 trả nợ số tiền gốc 2.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi từ ngày 03/7/2023 đến 23/7/2024 với số tiền là 117.000 đồng (Tính lãi suất 8%/ năm). Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 117.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H là 2.617.000 đồng (Trong đó tiền gốc 2.500.000 đồng, tiền lãi 117.000 đồng)

[4] Đối với số tiền vay gốc 2.500.000đồng bà Nguyễn Thị T2 đã trả cho bà H. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp tại biên lai số 0001229 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

[6] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 , Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H. Buộc bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 2.617.000đồng (Trong đó tiền vay gốc 2.500.000đồng, tiền lãi 117.000 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H đối với số tiền 2.500.000 đồng

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà H đã nộp tại biên lai số 0001229 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THDS thị xã Đức Phổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Minh Kha